

CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Bắc Ninh, tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Ngân Sơn (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

- | | |
|--------------------------|-------------------------|
| - Ông Vương Đình Hải | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Anh Tuấn | Ủy viên HĐQT - Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Đức Thanh | Ủy viên HĐQT |
| - Ông Đỗ Điệp Anh | Ủy viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Đình Trường | Ủy viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Chí Thanh | Phó Giám đốc |
| - Ông Trần Đình Thanh | Phó Giám đốc |
| - Ông Trần Đăng Tuyết | Phó Giám đốc |

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Số: 09/2017/SX-AVI-TC2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Ngân Sơn**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ngân Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/08/2017, từ trang 4 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 35 và các thuyết minh có liên quan của phần Thuyết minh báo cáo tài chính đề cập các số liệu và thông tin về vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015 xảy ra tại kho hàng hóa của Công ty đã gây thiệt hại các loại nguyên liệu thuốc lá lá, thuốc lá lá đã tách cọng và tài sản là kho chứa với giá gốc ước tính được ghi nhận khoảng 309 tỷ đồng bao gồm giá trị hàng hóa và tài sản của Công ty và khách hàng gửi kho. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, số tiền bồi thường tạm thời được Công ty Bảo hiểm Bảo Minh chuyển trả Công ty theo 4 lần là 200 tỷ đồng, các bên có liên quan đang tiếp tục làm việc để thống nhất số tiền bồi thường chính thức cho Công ty. Các số liệu và thông tin liên quan đến sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 đang trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại khi có số liệu bồi thường chính thức được các bên có liên quan thống nhất.



Vũ Bình Minh

Phó Tổng giám Đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 0034-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B01a - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		300.499.697.081	369.937.621.604
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.664.633.895	18.841.107.724
1. Tiền	111		12.664.633.895	18.841.107.724
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.331.825.368	261.610.580.049
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	49.949.823.306	90.737.365.769
2. Trả trước cho người bán	132		1.207.512.054	2.234.120.498
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.048.386.375	427.300.149
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(624.966.245)	(539.276.245)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	108.751.069.878	168.751.069.878
IV. Hàng tồn kho	140	11	107.982.109.595	79.117.011.757
1. Hàng tồn kho	141		107.982.109.595	79.117.011.757
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.521.128.223	10.368.922.074
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	7.668.870.960	3.274.241.375
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.497.150.594	6.739.574.030
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		355.106.669	355.106.669
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.191.686.081	130.018.055.422
II. Tài sản cố định	220		91.000.385.562	100.735.572.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	91.000.385.562	100.735.572.673
- Nguyên giá	222		224.435.308.682	223.970.993.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.434.923.120)	(123.235.420.509)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		412.666.000	412.666.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(412.666.000)	(412.666.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.449.692.948	362.487.211
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	11.449.692.948	362.487.211
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	6.750.000.000	6.750.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.750.000.000	6.750.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.991.607.571	22.169.995.538
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	22.991.607.571	22.169.995.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		432.691.383.162	499.955.677.026

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang số 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B01a - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		277.527.054.320	343.095.589.983
I. Nợ ngắn hạn	310		273.279.044.020	334.701.619.683
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	16.064.685.880	33.445.271.951
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	11.923.206.924	15.444.353.349
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	242.629.934	204.410.121
4. Phải trả người lao động	314		1.593.185.209	6.399.274.571
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	7.361.761.848	7.092.207.983
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	93.247.897.732	137.190.320.397
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	141.516.398.442	133.150.417.260
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.329.278.051	1.775.364.051
II. Nợ dài hạn	330		4.248.010.300	8.393.970.300
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	4.248.010.300	8.393.970.300
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155.164.328.842	156.860.087.043
I. Nguồn vốn, quỹ	410	23	155.164.328.842	156.860.087.043
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		112.020.030.000	112.020.030.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.351.574.000	16.351.574.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.731.165.574	31.731.165.574
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.961.610.970	3.961.610.970
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(8.900.051.702)	(7.204.293.501)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(7.204.293.501)	(4.559.522.070)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.695.758.201)	(2.644.771.431)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		432.691.383.162	499.955.677.026

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Người lập

Nguyễn Bích Hiền

Kế toán trưởng

Phạm Thành Liêm

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B02a - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	186.375.450.931	256.906.848.409
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		186.375.450.931	256.906.848.409
4. Giá vốn hàng bán	11	26	155.179.019.122	234.818.210.991
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		31.196.431.809	22.088.637.418
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	550.218.400	651.545.588
7. Chi phí tài chính	22	28	3.237.139.725	4.234.478.516
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.185.204.709	4.277.450.414
8. Chi phí bán hàng	24	29	8.829.101.723	3.375.112.571
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30	21.394.907.871	17.775.551.006
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.714.499.110)	(2.644.959.087)
11. Thu nhập khác	31	32	60.018.740.909	50.305.745.455
12. Chi phí khác	32	32	60.000.000.000	50.305.557.799
13. Lợi nhuận khác	40		18.740.909	187.656
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.695.758.201)	(2.644.771.431)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.695.758.201)	(2.644.771.431)
17. Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(151)	(236)

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Người lập

Nguyễn Bích Hiền

Kế toán trưởng

Phạm Thành Liêm

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B03a - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.695.758.201)	(2.644.771.431)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.199.502.611	8.486.316.181
- Các khoản dự phòng	03	85.690.000	(2.496.667.069)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(128.411.594)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.789.357)	(27.478.970)
- Chi phí lãi vay	06	3.185.204.709	4.277.450.414
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.767.849.762	7.466.437.531
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	36.435.488.117	61.606.010.959
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(28.865.097.838)	(27.620.254.852)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(74.869.472.731)	(79.086.355.665)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.216.241.618)	(5.720.651.727)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.473.294.060)	(3.660.888.489)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(624.602.488)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	60.366.000.000	52.105.745.455
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(812.086.000)	(8.879.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.666.854.368)	(4.413.909.276)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.634.343.000)	(804.937.378)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.789.357	27.478.970
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.627.553.643)	(777.458.408)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	243.938.258.096	161.827.422.932
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(239.718.236.914)	(148.180.021.021)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(102.087.000)	(26.318.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.117.934.182	13.621.083.161
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.176.473.829)	8.429.715.477
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.841.107.724	5.895.253.370
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	(29.361)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.664.633.895	14.324.939.486

Người lập



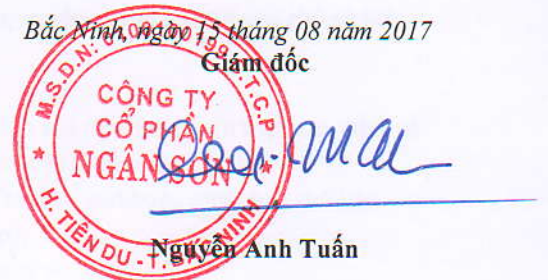
Nguyễn Bích Hiền

Kế toán trưởng



Phạm Thành Liêm

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 08 năm 2017
Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ngân Sơn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1738/QĐ-TCCB ngày 13/5/2005 và Quyết định số 2203/QĐ-TCCB ngày 4/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Nguyên liệu Thuốc lá Bắc là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103009019 ngày 31/8/2005 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 số 0100100199 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh ngày 15 tháng 08 năm 2016. Vốn điều lệ là 112.020.030.000 đồng tương ứng với 11.202.003 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết cổ đông:

- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ 64.635.890 cổ phiếu tương ứng với 64.635.890.000 đồng, chiếm 57,70 % vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long nắm giữ 722.640 cổ phiếu tương ứng với 7.226.400.000 đồng, chiếm 6,45 % vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn nắm giữ 681.346 cổ phiếu tương ứng với 6.813.460.000 đồng chiếm 6,08 % vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Một thành viên Viện Thuốc lá nắm giữ 566.101 cổ phiếu tương ứng với 5.661.010.000 đồng chiếm 5,05 % vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa nắm giữ 436.468 cổ phiếu tương ứng với 4.364.680.000 đồng chiếm 3,9 % vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Bắc Sơn nắm 25.902 cổ phiếu tương ứng với 259.020.000 đồng chiếm 0,23% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 2.305.957 cổ phần tương ứng với 23.059.570.000 đồng, chiếm 20,59% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Tổng số cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 368 người, trong đó cán bộ quản lý là 32 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 372 người, trong đó cán bộ quản lý là 32 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh đa ngành.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào. Chi tiết: Sơ chế thuốc lá, các hoạt động trồng cây thuốc lá, thuốc Lào để quán thuốc lá điếu (xi gà) và để chế biến thuốc lá, thuốc Lào;
- Sản xuất và mua bán vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu làm thuốc) và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê);
- Gia công cơ khí; sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá thuốc Lào;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn phân bón (trừ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Sự kiện hỏa hoạn phát sinh năm 2015 tiếp tục trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ngày 19/08/2015, Công ty xảy ra hỏa hoạn tại kho hàng hóa đã gây thiệt hại các loại nguyên liệu thuốc lá lá, thuốc lá đã tách cọng và tài sản là kho chứa với giá gốc ước tính được ghi nhận khoảng 309 tỷ đồng bao gồm giá trị hàng hóa và tài sản của Công ty và khách hàng gửi kho. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, số tiền bồi thường tạm thời được Bảo Minh chuyển trả Công ty theo 4 lần là 200 tỷ đồng, các bên có liên quan đang tiếp tục làm việc để thống nhất số tiền bồi thường chính thức cho Công ty. Theo đó, các số liệu và thông tin liên quan đến sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 đang trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại khi có số liệu bồi thường chính thức được các bên có liên quan thống nhất. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 35 và các thuyết minh liên quan khác của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh) của Công ty như sau:

- Văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Xí nghiệp chế biến Nguyên liệu thuốc lá tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh được

Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản nợ, tài sản và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ kế toán). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Mức khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản khác	3 - 5

Tháng 8/2012, Công ty phân ánh tăng nguyên giá tài sản cố định đối với Dây chuyền sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuốc lá công suất 24.000 tấn/năm theo giá trị tạm tính là 128.189.171.295 đồng (bao gồm Công trình phụ trợ là 17.117.667.256 đồng và giá trị máy móc thiết bị là 111.071.564.309 đồng). Giá trị máy móc thiết bị được Công ty trích khấu hao theo phương pháp sản lượng. Chi phí khấu hao dây chuyền sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuốc lá sẽ được xác định lại theo phương pháp khấu hao phù hợp với quy định Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 sau khi Công ty quyết toán sản lượng chế biến trong năm. Đến thời điểm 30/06/2017, Công ty chưa điều chỉnh nguyên giá tài sản và giá trị hao mòn lũy kế theo Quyết định về việc phê duyệt Quyết toán Dự án đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá số 111/QĐ-NSC ngày 20/04/2017.

4.7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất tại KCN Tiên Sơn được phân bổ theo thời gian thuê đất, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ trong thời gian không quá 36 tháng, chi phí bốc xếp trung chuyển nội bộ tương ứng lượng thành phẩm sản xuất, gia công chế biến tồn cuối kỳ và các khoản chi phí sửa chữa, bảo hiểm khác.

4.10. Quỹ tiền lương

Quỹ tiền lương Công ty được trích lập theo phê duyệt của Hội đồng quản trị Công ty. Theo Nghị quyết số 108/QĐ-NSC ngày 14/4/2017 của Hội đồng quản trị, tổng quỹ tiền lương được phê duyệt là 43,456 tỷ đồng. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, Quỹ tiền lương đã được Công ty ghi nhận là 17,17 tỷ đồng. Việc quyết toán quỹ lương sẽ được thực hiện vào cuối năm tài chính.

4.11. Quỹ đầu tư trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá

Quỹ đầu tư trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá được trích theo quy định tại Thông tư 164/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính quy định về việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá. Công ty không thực hiện trích quỹ đầu tư trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá từ năm 2012 đến nay.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.14. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.15. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc các khoản nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 34.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

5. TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	873.627.584	484.894.724
Tiền gửi ngân hàng	11.791.006.311	18.356.213.000
Cộng	<u>12.664.633.895</u>	<u>18.841.107.724</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	-	51.119.057.750
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	12.756.200.000	11.982.800.000
Hong Kong King Grain International Trading Limited	5.865.700.386	8.635.477.500
CENTRAL LINE (HK) LIMITED	19.511.501.790	4.246.724.580
Công ty TNHH MTV thuốc lá An Giang	-	3.920.000.000
Công ty TNHH đầu tư phát triển Tâm Thịnh	983.560.934	2.403.549.943
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Quyết Thắng	-	1.735.009.307
ELITE WAY (HK) LIMITED	-	1.389.386.445
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Đồng Tâm	793.000.000	-
Công ty TNHH wisdom internationnal technology VN	731.956.797	-
Công ty TNHH thương mại và đầu tư phát triển Việt Hùng	714.046.253	-
Hong Kong Super Gain Tobacco Trading Limited	589.602.470	536.686.135
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	1.125.265.882	11.466.000
Các khách hàng khác	6.878.988.794	4.757.208.109
Cộng	<u>49.949.823.306</u>	<u>90.737.365.769</u>
Trong đó:		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (*)</i>	<i>13.881.465.882</i>	<i>67.485.572.180</i>

(*) Chi tiết xem thuyết minh số 34.

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	(539.276.245)	(2.881.721.504)
Trích lập dự phòng	85.690.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	2.342.445.259
Số dư cuối kỳ	<u>(624.966.245)</u>	<u>(539.276.245)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN
KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MÃU SỐ B09a - DN

8. NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Hong Kong super Gain Tobacco Trading Limited	589.602.470	213.922.175	589.602.470	213.922.175
Cửa hàng Tuấn Dung	20.113.000	-	20.113.000	-
Khổng Thu Hồng	24.825.700	-	24.825.700	-
Nguyễn Như Hùng	10.000.000	-	10.000.000	-
Nguyễn Thị Huệ	34.432.000	-	34.432.000	-
Nguyễn Thị Lan	10.880.000	-	10.880.000	-
Nguyễn Thị Mỹ	8.253.750	-	8.253.750	-
Nguyễn Văn Công	15.000.000	-	15.000.000	-
Phạm Văn Hiền	7.218.000	-	7.218.000	-
Trần Thị Thanh Tâm	5.306.500	-	5.306.500	-
Vũ Thị Thu	20.000.000	-	20.000.000	-
Đào Thị Thảo	7.567.000	-	7.567.000	-
VPĐD Công ty TNHH Nông Sinh tại Đà Nẵng	85.690.000	-	85.690.000	-
Cộng	838.888.420	213.922.175	838.888.420	299.612.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09a - DN

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	381.126.650	-	65.000.000	-
Phải thu khác	667.259.725	-	362.300.149	-
Cộng	1.048.386.375	-	427.300.149	-

10. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

Giá trị tài sản thiếu là giá trị tài sản của Công ty bị tổn thất phát sinh từ vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015 của Công ty (đã giảm trừ 200 tỷ tiền thu bồi thường tạm ứng 4 đợt của Bảo hiểm Bảo Minh). Chi tiết xem Thuyết minh số 35 - Thông tin chi tiết về vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015. Theo đó, các số liệu và thông tin liên quan đến sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 đang trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại khi có số liệu bồi thường chính thức được các bên có liên quan thống nhất.

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	60.323.106.743	-	21.269.345.294	-
Công cụ dụng cụ	420.574.633	-	101.571.328	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.705.013.926	-	26.410.824.264	-
Thành phẩm	5.691.768.891	-	14.579.542.400	-
Hàng hóa	841.645.402	-	825.191.155	-
Hàng gửi đi bán	-	-	15.930.537.316	-
Cộng	107.982.109.595	-	79.117.011.757	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.668.870.960	3.274.241.375
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	15.754.165	3.581.250
- Phí bảo hiểm trả một lần	1.465.380.591	1.127.398.104
- Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	66.242.470	31.483.403
- Chi phí thuê kho	3.234.536.847	2.111.778.618
- Chi phí đầu tư sản xuất, thu mua nguyên liệu thuốc	2.886.956.887	-
Chi phí trả trước dài hạn	22.991.607.571	22.169.995.538
- Tiền thuê đất tại KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh	17.172.031.803	16.905.655.749
- Giá trị CCDC chờ phân bổ	2.062.727.031	1.196.036.098
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	3.150.528.074	3.544.682.304
- Chi phí khác	606.320.663	523.621.387
Cộng	30.660.478.531	25.444.236.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2017	85.665.035.832	126.513.312.489	9.373.654.813	814.409.904	1.604.580.144	223.970.993.182
Tăng trong kỳ	-	318.750.000	-	145.565.500	-	464.315.500
Mua sắm trong kỳ	-	318.750.000	-	145.565.500	-	464.315.500
Tại 30/06/2017	85.665.035.832	126.832.062.489	9.373.654.813	959.975.404	1.604.580.144	224.435.308.682
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2017	55.314.927.098	58.263.891.942	7.583.226.483	738.365.558	1.335.009.428	123.235.420.509
Tăng trong kỳ	3.673.575.461	6.184.805.898	259.526.098	33.156.956	48.438.198	10.199.502.611
Khấu hao trong kỳ	3.673.575.461	6.184.805.898	259.526.098	33.156.956	48.438.198	10.199.502.611
Tại 30/06/2017	58.988.502.559	64.448.697.840	7.842.752.581	771.522.514	1.383.447.626	133.434.923.120
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2017	30.350.108.734	68.249.420.547	1.790.428.330	76.044.346	269.570.716	100.735.572.673
Tại 30/06/2017	26.676.533.273	62.383.364.649	1.530.902.232	188.452.890	221.132.518	91.000.385.562

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại 30/06/2017 là: 32.014.124.673 đồng (tại 31/12/2016 là 28.997.694.878 đồng).

Giá trị tài sản đảm bảo: Dây truyền sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuốc lá công suất 24.000 tấn/năm với nguyên giá máy móc thiết bị tạm tính là 111.071.564.309 đồng được sử dụng để thế chấp cho Hợp đồng vay số 16/HĐTDDH-NHCT ĐA ngày 07/11/2011 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Đồng Anh. Đến thời điểm 30/06/2017, Công ty chưa điều chỉnh nguyên giá tài sản và giá trị hao mòn lũy kế theo Quyết định về việc phê duyệt Quyết toán Dự án đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá số 111/QĐ-NSC ngày 20/04/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị	Cộng
	quyền sử dụng đất VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2017	412.666.000	412.666.000
Tại 30/06/2017	412.666.000	412.666.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2017	412.666.000	412.666.000
Tăng trong kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Tại 30/06/2017	412.666.000	412.666.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	-	-
Tại 30/06/2017	-	-

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	6.750	-	6.750	6.750	-	6.750
Cộng	6.750	-	6.750	6.750	-	6.750

16. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án đầu tư dây chuyền sợi	11.044.401.176	-
Khác	405.291.772	362.487.211
Cộng	11.449.692.948	362.487.211

CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN
KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây lắp Thành An 665	5.126.560.682	5.126.560.682	-	-
Công ty TNHH Cường Lập	133.516.119	133.516.119	11.225.533.499	11.225.533.499
Công ty Đầu tư và Phát triển hạ tầng Viglacera	851.598.000	851.598.000	467.500.000	467.500.000
Công ty TNHH thương mại và giao nhận vận tải TLC	39.204.000	39.204.000	6.554.394.000	6.554.394.000
Công ty TNHH thương mại Tuyết Hương	-	-	4.905.263.600	4.905.263.600
Công ty TNHH thương mại và giao nhận vận tải quốc tế Trang Huy	291.280.000	291.280.000	2.631.672.000	2.631.672.000
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	401.019.000	401.019.000	1.539.312.500	1.539.312.500
Công ty TNHH XNK Trung Khánh	392.424.000	392.424.000	822.720.000	822.720.000
Công ty Cổ phần Bao bì Kinh Bắc	890.168.870	890.168.870	359.266.170	359.266.170
Các đối tượng khác	7.938.915.209	7.938.915.209	4.939.610.182	4.939.610.182
Cộng	16.064.685.880	16.064.685.880	33.445.271.951	33.445.271.951
			255.928.000	

Trong đó phải trả các bên liên quan (*)

(*): Xem thuyết minh số 34.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09a - DN

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty liên doanh BAT - VINATABA	11.252.366.550	15.008.900.000
Hanchen Tobacco (Hong Kong) Limited	167.859.148	169.778.080
Các khách hàng khác	502.981.226	265.675.269
Cộng	<u>11.923.206.924</u>	<u>15.444.353.349</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2017</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>30/06/2017</u>
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết các loại thuế				
Thuế GTGT	-	295.182.364	295.182.364	-
Thuế xuất, nhập khẩu	157.066.560	(157.066.560)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(355.106.669)	-	-	(355.106.669)
Thuế thu nhập cá nhân	47.343.561	83.094.387	121.558.014	8.879.934
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	586.321.567	118.821.567	233.750.000
Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Cộng	<u>(150.696.548)</u>	<u>817.531.758</u>	<u>545.561.945</u>	<u>(112.476.735)</u>
<i>Trong đó:</i>				
Số thuế còn phải thu	355.106.669			355.106.669
Số thuế còn phải nộp	204.410.121			242.629.934

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	200.389.238	-
Lãi vay phải trả ngân hàng	114.354.632	110.619.760
Lãi vay phải trả TCT Thuốc lá Việt Nam	3.798.189.500	3.090.013.723
Lãi vay trái phiếu phải trả	719.978.500	719.978.500
Chi phí phải trả khác	2.528.849.978	3.171.596.000
Cộng	<u>7.361.761.848</u>	<u>7.092.207.983</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09a - DN

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Các khoản ngắn hạn	93.247.897.732	137.190.320.397
- Kinh phí công đoàn	253.172.476	101.780.446
- Bảo hiểm xã hội	353.856.591	864.110
- Bảo hiểm y tế	64.338.950	149.558
- Bảo hiểm thất nghiệp	19.910.464	66.470
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.262.492.700	7.364.579.700
- Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	459.686.101	676.325.300
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long (1)	21.764.535.829	65.864.535.829
- Dự phòng tổn thất từ vụ cháy (2)	62.298.757.902	62.298.757.902
- Phải trả khác	771.146.719	883.261.082
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	7.262.492.700	7.364.579.700
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả (3)	7.262.492.700	7.364.579.700
Cộng	<u>93.247.897.732</u>	<u>137.190.320.397</u>

(1): Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long phản ánh giá trị hàng hóa gửi kho Công ty và chi phí có liên quan do hòa hoãn ngày 19/08/2015 được các bên thống nhất theo Biên bản làm việc ngày 30/10/2015, các bên thống nhất đền bù bằng tiền hoặc hàng. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện đền bù cần trừ bằng tiền hàng phải thu của Thuốc lá Thăng Long số tiền 44.100.000.000 đồng và thanh toán 2,301 tỷ đồng bằng tiền.

(2): Trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý, thận trọng ảnh hưởng của sự kiện hòa hoãn ngày 19/08/2015 để ghi nhận một khoản chi phí dự phòng tổn thất. Khoản dự phòng tổn thất này tiếp tục được xem xét và trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Chi tiết thông tin vụ hòa hoãn ngày 19/08/2015 được trình bày tại Thuyết minh số 34 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(3): Cổ tức năm 2014 còn phải trả cho Công ty mẹ - Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và các cổ đông là các đơn vị thành viên của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam cùng với một số cổ đông khác với số tiền là 7,26 tỷ đồng. Theo Thông báo số 811/TB-TLVN của Hội đồng thành viên Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam ngày 04/09/2015, các đơn vị thuộc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nhất trí tạm thời giãn nợ phải thu cổ tức cho đến khi Công ty khôi phục được hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán. Đến thời điểm 30/06/2017, Công ty đã trả được một phần cổ tức với các đơn vị khoảng 741 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09a - DN

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	130.177.458.442	130.177.458.442	243.938.258.096	233.499.296.914	119.738.497.260	119.738.497.260
Vietinbank - Chi nhánh Đông Anh (1)	89.089.037.059	89.089.037.059	202.517.841.296	205.326.686.242	91.897.882.005	91.897.882.005
VIB - Chi nhánh Ba Đình (2)	20.000.000.000	20.000.000.000	36.393.750.000	23.366.750.000	6.973.000.000	6.973.000.000
NHNo & PTNN huyện Bắc Sơn	220.806.128	220.806.128	5.026.666.800	4.805.860.672	-	-
Tổng công ty thuộc lá Việt Nam (3)	20.867.615.255	20.867.615.255	-	-	20.867.615.255	20.867.615.255
Vay dài hạn đến hạn trả	11.338.940.000	11.338.940.000	4.145.960.000	6.218.940.000	13.411.920.000	13.411.920.000
Tổng công ty thuộc lá Việt Nam (4)	5.120.000.000	5.120.000.000	-	-	5.120.000.000	5.120.000.000
Vietinbank - Chi nhánh Đông Anh (5)	6.218.940.000	6.218.940.000	4.145.960.000	6.218.940.000	8.291.920.000	8.291.920.000
Vay dài hạn	4.248.010.300	4.248.010.300	-	4.145.960.000	8.393.970.300	8.393.970.300
Vietinbank - Chi nhánh Đông Anh (5)	4.248.010.300	4.248.010.300	-	4.145.960.000	8.393.970.300	8.393.970.300
Cộng	145.764.408.742	145.764.408.742	248.084.218.096	243.864.196.914	141.544.387.560	141.544.387.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Thuyết minh chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 30/2016-HỆTDHM/NHCT144-NSC ngày 07/06/2016, các Văn bản sửa đổi bổ sung số 01-30/2016-HỆTD-SDDBS1/NHCT144-NSC ngày 31/05/2017 và số 02-30/2016-HỆTD-SDDBS1/NHCT144-NSC ngày 10/07/2017. Hạn mức vay là 200.000.000.000 VND mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(2) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 006/3108/HỆTD/2016 ngày 31/08/2016. Hạn mức tín dụng 30.000.000.000 VND, bao gồm dư nợ ngắn hạn của Hợp đồng tín dụng số 1607/2015/HỆTDHM ngày 16/07/2015, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành sản xuất thuốc lá của công ty. Thời gian vay tối đa 06 tháng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 2412NS/1-HĐVV-12 ngày 24/12/2012 nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 20.867.615.255 đồng. Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/03/2014 điều chỉnh thời hạn vay đến hết ngày 31/12/2014. Đến thời hạn vay, trong trường hợp có nhu cầu tiếp tục sử dụng vốn, Công ty phải báo cáo bằng văn bản để VINATABA xem xét và phê duyệt ra hạn. Lãi suất áp dụng là lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố áp dụng từng kỳ. Phụ lục hợp đồng số 02 của hợp đồng vay vốn số 2412NS/HĐVV-12 gia hạn thời hạn vay đến 31/12/2015.

Thuyết minh chi tiết các khoản vay dài hạn

(4) Khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng vay vốn số 05/HĐ - TLVN - 12 ngày 30/01/2012 với Tổng công ty Thuốc Lá Việt Nam với số tiền 12.800.000.000 đồng phục vụ "Dự án đầu tư đổi mới nâng cao năng lực sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá công suất 24.000 tấn/năm" với thời hạn vay 3 năm và lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/03/2014 điều chỉnh lãi suất của khoản vay/năm bằng: Lãi suất tối đa + 0,1%. Lãi suất tối đa là lãi suất tối đa các tổ chức tín dụng có thể áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 12 tháng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời điểm. Tới thời điểm hiện tại, Công ty chưa ký gia hạn về thời hạn trả nợ của hợp đồng này.

(5) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số 16/HDDTDDDH-NHCT ĐA ngày 07/11/2011, mục đích: Đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực dây chuyền sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuốc lá công suất 24.000 tấn/năm. Hạn mức vay là 46.000.000.000 VND hoặc USD tương đương. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay theo phương thức lãi suất thả nổi. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị của dự án được chi tiết trong hợp đồng thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai số 68/HỆTC-NHCTĐA ngày 07/12/2011.

Chi tiết kế hoạch trả nợ vay dài hạn như sau:

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Trong năm thứ hai	4.248.010.300	8.291.920.000
Từ 3 đến 5 năm	-	102.050.300
Sau 5 năm	-	-
Cộng	4.248.010.300	8.393.970.300
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>11.338.940.000</i>	<i>13.411.920.000</i>
Cộng các khoản vay dài hạn	15.586.950.300	21.805.890.300

CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN
KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09a - DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	112.020.030.000	16.351.574.000	31.731.165.574	3.961.610.970	(22.249.876.403)	141.814.504.141
- Lãi trong năm	-	-	-	-	15.045.582.902	15.045.582.902
Tại ngày 31/12/2016	112.020.030.000	16.351.574.000	31.731.165.574	3.961.610.970	(7.204.293.501)	156.860.087.043
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(1.695.758.201)	(1.695.758.201)
Tại ngày 30/06/2017	112.020.030.000	16.351.574.000	31.731.165.574	3.961.610.970	(8.900.051.702)	155.164.328.842

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	64.635.890.000	57,70%	64.635.890.000	57,70%
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	7.226.400.000	6,45%	7.226.400.000	6,45%
Công ty TNHH MTV Viện kinh tế Kỹ thuật Thuốc lá	5.661.010.000	5,05%	5.661.010.000	5,05%
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6.813.460.000	6,05%	6.813.460.000	6,08%
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	4.364.680.000	3,90%	4.364.680.000	3,90%
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	259.020.000	0,23%	259.020.000	0,23%
Cổ đông khác	23.059.570.000	20,60%	23.059.570.000	20,60%
Cộng	112.020.030.000	100,0%	112.020.030.000	100%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Cổ phiếu

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.202.003	11.202.003
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	11.202.003	11.202.003
- Cổ phiếu phổ thông	11.202.003	11.202.003
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.202.003	11.202.003
- Cổ phiếu phổ thông	11.202.003	11.202.003
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vật tư hàng hóa nhận gia công, giữ hộ:

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	Kg	Kg
Nguyên liệu thuốc lá	451.197	3.913.188
Công ty TNHH Cường Lập	-	-
CENTRAL LINE (HK) LIMITED	4.128	1.898.928
Hong Kong King Grain International Trading Limited	123.949	1.092.576
ELITE WAY (HK) LIMITED	205.632	921.684
Các đơn vị khác	117.488	-
Thành phẩm đã sơ chế, tách cọng	11.460.800	9.010.104
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4.909.090	4.661.055
Công ty TNHH MTV Viện KTKT Thuốc Lá	250.520	667.862
Công ty TNHH Cường Lập	88.252	209.052
CENTRAL LINE (HK) LIMITED	1.812.600	1.580.800
ELITE WAY (HK) LIMITED	869.400	854.000
Hong Kong King Grain International Trading Limited	2.793.200	699.800
Các đơn vị khác	737.738	337.535
Ngoại tệ:		
	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- USD	6.068,50	97.691,51

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016</u>
	<u>đến 30/06/2017</u>	<u>đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán nguyên liệu thuốc lá	102.670.139.400	207.105.903.750
Doanh thu bán hàng hóa khác	14.982.947.483	16.104.590.562
Dịch vụ Sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuốc lá	59.659.775.697	30.106.206.090
Dịch vụ khác	9.062.588.351	3.590.148.007
Cộng doanh thu	186.375.450.931	256.906.848.409
<i>Trong đó: doanh thu với các bên liên quan (*)</i>	<i>109.986.474.966</i>	<i>204.965.756.316</i>

(*) Chi tiết bên liên quan xem thuyết minh số 34.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Giá vốn bán nguyên liệu thuốc lá	95.380.496.848	192.525.262.438
Giá vốn bán hàng hóa khác	14.700.548.747	14.738.727.795
Giá vốn dịch vụ sơ chế tách cọng thuốc lá	43.080.560.326	25.821.989.616
Giá vốn dịch vụ khác	2.017.413.201	1.732.231.142
Cộng	<u>155.179.019.122</u>	<u>234.818.210.991</u>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.789.357	27.478.970
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	80.795.037	307.416.433
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	227.296.599
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	462.634.006	89.353.586
Cộng	<u>550.218.400</u>	<u>651.545.588</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.185.204.709	4.277.450.414
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.935.016	12.364.907
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	98.885.005
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	-	(154.221.810)
Cộng	<u>3.237.139.725</u>	<u>4.234.478.516</u>

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	86.752.182	77.110.424
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	219.270.966	103.564.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.501.737.170	3.192.772.458
Chi phí khác bằng tiền	21.341.405	1.665.000
Cộng	<u>8.829.101.723</u>	<u>3.375.112.571</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09a - DN

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.636.017.583	7.931.477.082
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	747.190.532	931.158.841
Chi phí khấu hao	2.752.695.939	2.984.434.902
Chi phí thuế, phí và lệ phí	270.699.000	182.213.394
Chi phí dự phòng nợ phải thu	85.690.000	(2.342.445.259)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.696.894.149	3.884.475.783
Chi phí tiếp khách hội nghị	1.574.108.079	1.486.337.086
Chi phí khác bằng tiền	3.631.612.589	2.717.899.177
Cộng	21.394.907.871	17.775.551.006

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	20.681.562.154	17.638.444.350
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	52.462.988.017	66.120.830.256
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.199.502.611	8.486.316.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.288.771.659	17.793.441.153
Chi phí khác	6.456.543.185	5.571.001.786
Cộng	132.089.367.626	115.610.033.726

32. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Thu nhập khác	60.018.740.909	50.305.745.455
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	304.545.455
Thu tiền bồi thường hòa hoạn (1)	60.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản khác	18.740.909	1.200.000
Chi phí khác	60.000.000.000	50.305.557.799
Giá trị tổn thất tương ứng với số tiền bảo hiểm nhận được (1)	60.000.000.000	50.000.000.000
Giá trị ước tính hàng hóa, tài sản tồn thất	-	304.545.455
Các khoản khác	-	1.012.344
Lợi nhuận khác	18.740.909	187.656

(1): Trong kỳ, Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh thực hiện chuyển trả khoản bồi thường bảo hiểm cho vụ hòa hoạn ngày 19/08/2015 của Công ty (Thuyết minh số 35) với số tiền là 60 tỷ đồng (Ngày 09/01/2017).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản	(1.724.174.081)	(2.644.771.431)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.202.003	11.202.003
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(154)	(236)

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mua hàng hóa, dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016</u>
	<u>đến 30/06/2017</u>	<u>đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
CN Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam - Trung tâm đào tạo Vinataba	-	11.000.000
CN Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Thuốc lá	-	17.090.906
Công ty TNHH MTV thuốc lá Thăng Long	5.407.806.787	4.973.478.245
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	-	19.610.000

Bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016</u>
	<u>đến 30/06/2017</u>	<u>đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	51.029.110.567	89.413.096.107
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	30.430.715.000	92.862.000.000
Công ty TNHH MTV Viện thuốc lá	438.666.659	531.265.709
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	14.680.675.000	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	247.040.840	5.220.000.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	5.665.000.000	2.550.000.000
Công ty liên doanh BAT- Vinataba	7.495.266.900	1.377.600.000
Công ty TNHH Vinataba- Philip Morris	-	7.108.200.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	-	5.903.594.500
Cộng	<u>109.986.474.966</u>	<u>204.965.756.316</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Số dư với các bên liên quan:

Phải thu khách hàng

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	1.125.265.882	11.466.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	-	51.119.057.750
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	12.756.200.000	11.982.800.000
Công ty TNHH MTV thuốc lá An Giang	-	3.920.000.000
Công ty TNHH thuốc lá Đà Nẵng	-	227.700.000
Công ty TNHH MTV Viện Kinh tế Kỹ thuật Thuốc lá	-	224.548.430
Cộng	<u>13.881.465.882</u>	<u>67.485.572.180</u>

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Tổng công ty thuốc lá Việt Nam	25.987.615.255	25.987.615.255
Phải trả người bán	-	255.928.000
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	-	144.702.000
Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	-	21.996.000
Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Trung tâm đào tạo	-	18.000.000
Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Thuốc lá	-	71.230.000
Phải trả khác ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	21.764.535.829	65.864.535.829
Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	-	6.463.589.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	-	25.902.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	-	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	-	160.000.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	-	328.470.000
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	-	100.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	-	25.900.000
Người mua trả tiền trước		
Công ty liên doanh BAT - VINATABA	11.252.366.550	15.008.900.000
Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	28.273.600	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

35. THÔNG TIN VỀ VỤ HÒA HOẠN NGÀY 19/08/2015

Ngày 19/08/2015, Công ty xảy ra hòa hoãn tại kho hàng hóa đã gây thiệt hại các loại nguyên liệu thuốc lá lá, thuốc lá lá đã tách cọng và tài sản là kho chứa với giá gốc ước tính được ghi nhận khoảng 309 tỷ đồng, bao gồm giá trị hàng hóa và tài sản của Công ty và khách hàng gửi kho (Theo Biên bản làm việc giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long ngày 30/10/2015, Công ty đã ghi nhận khoản phải trả Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long tương đương khoảng 139 tỷ đồng bao gồm giá gốc hàng hóa gửi kho Công ty và chi phí có liên quan do hòa hoãn ngày 19/08/2015. Các bên đã thống nhất nội dung, phương thức và tiến độ, thời gian đền bù trên cơ sở tiến độ bồi thường của Bảo Minh).

Ngay sau khi xảy ra hòa hoãn, Ban lãnh đạo Công ty đã phối hợp tích cực với các bên có liên quan để giải quyết có hiệu quả công việc khôi phục sản xuất, ổn định tình hình kinh doanh, làm việc với các chủ nợ như Ngân hàng để gia hạn nợ, giảm lãi, cân đối lại kế hoạch dòng tiền nhằm đảm bảo hoạt động liên tục của Công ty trong ngắn hạn cũng như dài hạn. Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam là Công ty mẹ cùng với các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam đã thực hiện kịp thời các biện pháp hỗ trợ Công ty như trả ngay các khoản nợ, tiếp tục mua hàng và thanh toán nhanh tiền mua hàng...

Toàn bộ giá trị tổn thất do hòa hoãn nói trên đã được mua bảo hiểm hòa hoãn và các rủi ro đặc biệt tại Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh - Bảo Minh Bắc Ninh (gọi tắt là "Bảo Minh") theo Hợp đồng bảo hiểm số AD0011/15CB24108 ngày 19/04/2015 và các Phụ lục đính kèm.

Theo kết luận điều tra số 1080/PC45 ngày 02/10/2015 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bắc Ninh, nguyên nhân vụ hòa hoãn "Do chất diệt côn trùng Nhôm photphua (AIP) gặp độ ẩm cao, hoặc bị ngấm nước gây phản ứng hóa học tự nhiên phát cháy, bén cháy vào các kiện mảnh lá thuốc lá dẫn đến vụ cháy nói trên".

Theo Biên bản làm việc ngày 05/11/2015 giữa Công ty và Bảo Minh, căn cứ theo kết luận nguyên nhân hòa hoãn, Bảo Minh đã xem xét và xác định tổn thất do hòa hoãn ngày 19/08/2015 của Công ty hoàn toàn nằm trong phạm vi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty với Bảo Minh, chưa phát sinh điểm loại trừ.

Căn cứ vào các hồ sơ pháp lý nói trên, ngày 14/10/2015, Công ty đã gửi Bảo Minh Đơn yêu cầu bồi thường giá trị tổn thất ước tính theo giá hợp lý phù hợp với Hợp đồng bảo hiểm với số tiền khoảng 351 tỷ đồng kèm theo Giấy đề nghị tạm ứng lần 1 là 50% giá trị yêu cầu bồi thường.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, số tiền bồi thường tạm thời được Bảo Minh chuyển trả Công ty theo bốn lần với số tiền 200 tỷ đồng (bồi thường lần 1 ngày 01/12/2015 số tiền 50 tỷ đồng, đợt 02 ngày 04/02/2016 số tiền 50 tỷ đồng và đợt 3 ngày 16/09/2016 số tiền 40 tỷ đồng và ngày 09/01/2017 Công ty tiếp tục nhận được khoản bồi thường 60 tỷ đồng).

Hiện tại, Công ty đang tiếp tục làm việc với Bảo Minh cũng như các bên liên quan tính toán và xác định số tiền bồi thường chính thức cho Công ty. Các số liệu và thông tin liên quan đến sự kiện hòa hoãn ngày 19/08/2015 đang trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 sẽ được điều chỉnh khi có số liệu bồi thường chính thức được thống nhất bởi các bên có liên quan.

Căn cứ theo quy định của Luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và sự kiện hòa hoãn ngày 19/08/2015, Ban Giám đốc Công ty đã đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý, thận trọng ảnh hưởng của sự kiện hòa hoãn ngày 19/08/2015 để ghi nhận một khoản chi phí dự phòng khoảng 62,3 tỷ đồng trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và được chuyển tiếp số dư sang Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Số ước tính nói trên sẽ được điều chỉnh lại khi các bên có liên quan thống nhất chính thức số bồi thường.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, căn cứ vào kế hoạch tài chính, dòng tiền cùng với sự hỗ trợ từ các bên liên quan (Ngân hàng, Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty...) cũng như các khoản bồi thường do hòa hoãn từ Bảo Minh, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng tuyệt đối vào khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong năm tài chính tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty thuê 80.000 m² tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh theo Hợp đồng thuê đất số 06/2008/CTHT-HĐKT ngày 01/11/2008, phụ lục số 01/PLHĐ-2015 ngày 02/01/2015, thời hạn thuê 49 năm 3 tháng, kể từ ngày 23/9/2000 với Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng. Trong đó:

- Phí sử dụng cơ sở hạ tầng là 5.354 đồng/m²/năm chưa bao gồm thuế GTGT, tổng cộng tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng mà công ty phải thanh toán cho 49,25 năm là 22.989.950.287 đồng;
- Phí dịch vụ công nghiệp và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng là 0,30 USD/m²/năm chưa bao gồm thuế GTGT, tổng cộng tiền thanh toán phí dịch vụ công nghiệp và bảo dưỡng hạ tầng mỗi năm là 26.400 USD;
- Tiền thuê đất thực hiện theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 71/GCNUĐĐT-BN ngày 20/01/2005 của UBND tỉnh Bắc Ninh, Công ty được miễn nộp tiền thuê đất 10 năm đầu và giảm 50% cho những năm hoạt động còn lại của Dự án.

Công ty thuê 5.000 m² tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh với thời hạn thuê 49 năm 3 tháng, kể từ ngày 23/9/2000 với Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng theo Hợp đồng thuê đất số 02/2011/CTHT-HĐKT ngày 01/10/2011, phụ lục số 02/PLHĐ-2015 ngày 02/01/2015. Trong đó:

- Phí sử dụng cơ sở hạ tầng đã thanh toán theo hợp đồng thuê đất số 23/09- HĐKT ngày 23/9/2000 và phụ lục hợp đồng số 01/2004/PLBS ngày 25/7/2004, số tiền 1.420.795.503 đồng.
- Phí dịch vụ công nghiệp và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng là 8.504 đồng/m²/năm chưa bao gồm thuế GTGT (trung ứng tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam 01 đô la Mỹ bằng 21.260 VND), đơn giá này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm theo tỷ giá bán ra đô la Mỹ của Vietcombank tại thời điểm thanh toán tháng 6 hàng năm.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và các khoản nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, các khoản nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

	<u>Giá trị ghi sổ</u> <u>30/06/2017</u> <u>VND</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u> <u>01/01/2017</u> <u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.664.633.895	18.841.107.724
Các khoản phải thu ngắn hạn	50.373.243.436	90.625.389.673
Cộng tài sản tài chính	<u>63.037.877.331</u>	<u>109.466.497.397</u>
Các khoản nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn dài hạn	145.764.408.742	141.544.387.560
Phải trả người bán ngắn hạn	16.064.685.880	33.445.271.951
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.361.761.848	7.092.207.983
Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.556.619.251	137.087.459.813
Cộng các khoản nợ tài chính	<u>261.747.475.721</u>	<u>319.169.327.307</u>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp bảo đảm do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và các khoản nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm 30/06/2017 như sau:

	<u>Tài sản tài chính</u>		<u>Các khoản nợ tài chính</u>	
	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ	25.514.958.037	15.075.946.217	10.466.950.300	8.393.970.300

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi

Quản lý rủi ro đầu tư công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Công ty mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa các khoản nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với các khoản nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của các khoản nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 01/01/2017			
Vay và nợ ngắn, dài hạn	133.150.417.260	8.393.970.300	141.544.387.560
Phải trả người bán ngắn hạn	33.445.271.951	-	33.445.271.951
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.092.207.983	-	7.092.207.983
Các khoản phải trả, phải nộp khác	137.087.459.813	-	137.087.459.813
Cộng	<u>310.775.357.007</u>	<u>8.393.970.300</u>	<u>319.169.327.307</u>
Tại 30/06/2017			
Vay và nợ ngắn, dài hạn	141.516.398.442	4.248.010.300	145.764.408.742
Phải trả người bán ngắn hạn	16.064.685.880	-	16.064.685.880
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.361.761.848	-	7.361.761.848
Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.556.619.251	-	92.556.619.251
Cộng	<u>257.499.465.421</u>	<u>4.248.010.300</u>	<u>261.747.475.721</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức độ đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết thể hiện được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở các khoản nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B09a - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.841.107.724	-	18.841.107.724
Các khoản phải thu ngắn hạn	90.625.389.673	-	90.625.389.673
Cộng	109.466.497.397	-	109.466.497.397
Tại 30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.664.633.895	-	12.664.633.895
Các khoản phải thu ngắn hạn	50.373.243.436	-	50.373.243.436
Cộng	63.037.877.331	-	63.037.877.331

38. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá lá. Ngoài ra, Công ty còn hoạt động kinh doanh phân bón, vận chuyển... Doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 2% trong tổng doanh thu. Về mặt địa lý, Công ty bán hàng chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam (doanh thu xuất khẩu chiếm khoảng 6% tổng doanh thu). Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số dư của ngày 31/12/2016 chuyển sang và số so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số của kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Bích Hiền

Phạm Thành Liêm

Nguyễn Anh Tuấn